

# NGHIÊN CỨU SO SÁNH MỘT SỐ NHẠC CỤ TRE NỬA CỦA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

CAO YÊN

Email: gaoyanmusic@163.com

Học viện Âm nhạc Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc

## COMPARISON STUDY OF SOME BAMBOO AND CORK MUSICAL INSTRUMENTS BETWEEN THE ETHNICITIES OF VIETNAM AND CHINA

### TÓM TẮT



### ABSTRACT

Trên cơ sở các nhạc cụ được giới thiệu trên sách xuất bản tại Việt Nam và nguồn tư liệu điền dã trực tiếp tại Trung Quốc, tác giả sẽ chỉ ra sự tương đồng và khác biệt trong một số nhạc cụ của hai nước từ sự so sánh đa chiều giữa hình thức cấu tạo (cấu tạo hình dạng và nguyên lý phát ra âm thanh) và đặc điểm văn hóa (tông/âm vực cơ bản, đặc trưng âm thanh, chức năng sử dụng...), nghiên cứu này sẽ tìm hiểu và làm nổi bật những điểm giống và khác nhau giữa nhạc cụ dân tộc bằng tre nứa, chủ yếu của một số dân tộc thiểu số của Trung Quốc và Việt Nam.

*Từ khóa: Trung Quốc, Việt Nam, nhạc cụ tre, nứa, nghiên cứu so sánh, dân tộc thiểu số*

On the basis of musical instruments introduced in books published in Vietnam and direct fieldwork in China, the author will point out the similarities and differences in some musical instruments of the two countries from the comparison multi-dimensional comparison between structural form (shape structure and principle of sound emission) and cultural characteristics (basic tone/vocal range, sound characteristics, use function...), this study will explore and highlight the similarities and differences between ethnic bamboo and cork musical instruments, mainly of some ethnic minorities of China and Vietnam.

*Keywords: China, Vietnam, Bamboo and cork musical instruments, Comparative research, Ethnic minority*

### 1. Giới thiệu

Theo điều tra và nghiên cứu thực địa của tác giả, hiện nay ở Việt Nam, ở đây chủ yếu nghiên cứu các dân tộc thiểu số, có hơn 70 loại nhạc cụ bằng tre chế tạo và sử dụng bởi các dân tộc khác nhau. Đồng thời, tác giả đã sưu tầm và phân loại tổng số 144 loại nhạc cụ bằng tre của các dân tộc thiểu số miền Nam Trung Quốc để tiến hành so sánh đối chiếu với các nhạc cụ dân tộc bằng tre, nứa của Việt Nam. Nghiên cứu này chủ yếu thông qua việc so sánh đa chiều hình thức cấu tạo (cấu tạo hình dạng và nguyên lý phát ra âm thanh) và đặc điểm về văn hóa âm nhạc (âm sắc, đặc điểm âm thanh, chức năng sử dụng...), để khám phá và chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa nhạc cụ dân tộc bằng tre của Trung Quốc và Việt Nam.

Hình thức cấu tạo trong nghiên cứu này đề cập đến chất liệu, các bộ phận/chỉ tiết cấu tạo và nguyên lý phát ra âm thanh của các nhạc cụ, đều có thể chia thành ba loại: "nhạc cụ hơi", "nhạc cụ tư thân vang", "nhạc cụ dây"

Nhạc cụ hơi ở hai nước đều có nhạc cụ bộ tre nạp khí qua lỗ hở ở khe rãnh. Có những loại nhạc cụ tre có rãnh hút khí ở cả hai vị trí của nhạc cụ âm thanh, những loại nhạc cụ này có lỗ hở ở đầu ống tre. Nguyên tắc phát âm là luồng không khí được chia qua lỗ hở và một phần của nó đi vào ống tạo thành cột khí phát âm. Kiểu gờ - Trong nhạc cụ tre huyết sáo nạp khí ở phía rãnh của Trung Quốc và Việt Nam đều có hai loại cấu tạo hình dạng là: "rãnh mở trong" và "rãnh đặt ngoài". "Rãnh mở trong" có thể chia thành hai loại: "khe cắm gỗ" và "khe giữa các ngăn nứa". Trong số các loại nhạc cụ bằng tre, thuộc họ hơn, phương pháp kích âm là lùa hơi qua giữa các ngăn nứa, ví dụ như Pí THIU của người Thái, người Laha ở Trung Quốc; SÁO ÔI của người Mường ở Việt Nam. Tương tự chúng ta có BI TIÊU (箎箫), BI TU (箎修) của người Thái; DULU (嘟噜) của người Lê, người BILITU (比哩吐) và người Di; QILI (其篥) của người Hà Nhì; BEICHULU (呗处鲁) của người Cơ Nặc; Tiêu Tam Nguyệt của người A xương; v.v... ở

Trung Quốc. Những nhạc cụ này có khớp nối (các mấu) bằng tre ở phần trên của ống. Đầu phân ống nối trên và dưới của các khớp gắn nhau, người ta khoét mỗi đầu một lỗ tròn làm nơi điều khí, kích âm và một lỗ chia khí. Loại sáo khoét hai lỗ thì cấu tạo bằng cách mài một đường mỏng ở giữa lỗ và sau đó dùng lá tre che gắn vào phần này để tạo âm thanh (đôi khi người nghệ nhân dùng băng dính hoặc giấy bạch kim quấn lại để tạo thành đường nạp khí, giữ lại một nửa lỗ chia khí). Nguyên lý phát âm là luồng không khí bị chặn vào trong ống tre nửa qua rãnh ống tre nửa ở vị trí miệng ống tre, cột khí tạo thành bị chặn bởi khớp tre (mấu tre, nửa) cho luồng khí lùa vào ống tre, khi đến lỗ thoát khí, một phần luồng khí tràn ra ngoài đường ống, một phần bị lá che, băng dính hay giấy bạch kim quấn ở một nửa lỗ thoát khí chặn lại bên trong của khoang ống tre, và tại điểm này, lá tre và tác động vào các cạnh của thành bên trong lòng ống để tạo thành cột không khí và phát ra âm thanh nghe rất độc đáo. Ngoài ra còn có một loại nhạc cụ bằng tre có hình dáng tương tự theo kiểu “rãnh dất ngoài”, tức là người ta ghép thêm các miếng tre ở mặt ngoài của vách tre để tạo thành đường nạp khí và huyết sáo hình rãnh, đoạn cuối của đường nạp khí mở lỗ thoát khí. Khi luồng không khí được thổi vào, qua đường nạp khí và đến lỗ chia khí, một phần luồng không khí tràn ra ngoài đường ống và một phần luồng không khí bị chặn lại trong ống bởi van phân phối khí, tác động đến mép của thành trong của lòng ống, tạo thành cột khí phát âm. Nhiều nhạc cụ bằng tre, nửa với phương thức hút khí qua lỗ thổi của hai nơi có hình dáng và cấu tạo giống nhau. Ngoài ra, ở cả hai nơi đều có nhạc cụ bằng tre có gắn lưỡi gà, bao gồm cấu tạo hình dáng là một lưỡi gà một ống, một lưỡi gà nhiều ống, miếng lưỡi gà bằng đồng hoặc bằng tre nửa, cũng có loại cấu tạo hai lưỡi gà một ống, miếng lưỡi gà làm bằng chất liệu kén. Trong số nhạc cụ bằng tre, họ hơi, chỉ lưỡi gà rung tự do, Khèn (hay còn gọi là Kênh) của người H' mông ở Việt Nam và Khèn của người H' mông phía nam Trung Quốc, không chỉ giống nhau về nguyên lý phát ra âm thanh, mà còn gần giống nhau cả về cấu tạo hình dáng và kích thước cụ thể.

Cấu tạo hình dáng của nhạc cụ tự thân vang của Trung Quốc và Việt nam đều có kiểu dáng dạng tấm, dạng ống, dạng máng, dạng lưỡi gà. Cách thức phát âm có thể chia thành ba loại: chơi kiểu đánh, chơi kiểu lắc, chơi kết hợp hai kiểu. Trong đó, nhạc cụ Ảng Crào của người Tà ôi ở Việt nam thuộc loại chơi kết hợp hai kiểu đánh và lắc và đàn tính, cùng với đàn môi tre (竹口琴), đàn tre kéo (拉篾) của tộc người thiểu số phía Nam Trung Quốc có kết cấu hình dáng thuộc loại nhạc cụ có lưỡi gà, nguyên lý phát âm đều là ngón tay gảy vào một đoạn lưỡi gà trên nhạc cụ, kết hợp với thổi hít luồng khí khiến nhạc cụ phát ra âm thanh.

Đối với nhạc cụ họ dây, dựa theo cách thức tạo ra âm

thanh từ dao động trên dây, nhạc cụ họ dây bộ tre ở hai nơi đều có thể chia thành ba loại: "gảy", "cọ xát" và "đánh". Đàn Bầu của người Kinh ở Việt Nam thuộc loại đàn gảy dây và Độc Huyền Cầm của người Kinh ở Trung Quốc (Di cư từ Hải Phòng – Việt Nam sáng Trung Quốc thế kỷ XV) có nguyên tắc phát âm và cấu trúc tương tự nhau. Ở thể loại “cọ xát dây”, nhạc cụ tre có cấu tạo buồng cộng hưởng đều là hình trụ ở Trung Quốc và Việt Nam đều dùng cung huyền cọ xát vào dây đàn, làm dây đàn rung động phát ra âm thanh. "Nhạc cụ loại đánh", TẬP TINH của người Thái, Tinh Tang của người Mường ở Việt nam và DINGMAIBO (玎麦波) của người Thái, người Va, và đàn ống tre (竹筒琴) của người Dao, người Choang ở Trung Quốc có cấu tạo hình dạng không chỉ giống nhau, kích thước cũng gần giống, nguyên lý phát âm đều là sử dụng công cụ gõ đánh vào dây đàn làm cho dây đàn rung động phát ra âm thanh.

Điểm khác biệt có thể chia thành 3 điểm: 1. Nhạc cụ tre của các dân tộc thiểu số phía Nam Trung Quốc nhiều hơn so với nhạc cụ tre của các dân tộc ở Việt Nam một loại, đó là “nhạc cụ màng rung”; 2. So sánh nhạc cụ bộ tre của hai nơi, các nhạc cụ bằng tre của các dân tộc Việt nam thô sơ, đơn giản hơn và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, ví dụ như trong nhạc cụ hơi, ĐINH JONG), KLONG PUT, BẮNG BU, ĐINH TÚT chỉ còn tồn tại ở Việt Nam, cho dù là mở ống hay đóng ống tre, đều không có lỗ âm, nguyên lý phát ra âm thanh đều là luồng không khí tác động vào rãnh của miệng thổi theo một góc nhất định, tạo thành luồng khí xoáy làm cho cột khí trong lòng ống rung động và phát ra âm thanh, nhưng tư thế chơi đàn rất đặc biệt, KLONG PUT dùng hai tay đập vào miệng ống, luồng khí đi vào lòng ống phát ra âm thanh. Đối với nhạc cụ BẮNG BU, Mỗi người cầm hai ống ở hai bàn tay, đồ rập một đầu ống xuống sàn nhà hay tấm ván (có lót vải mỏng hoặc không lót) khiến không khí trong ống chấn động, phát ra âm thanh, khác với các loại nhạc cụ bằng tre khác là dùng miệng để thổi âm thanh. Cũng có một số nhạc cụ hơi ở phía nam Trung Quốc có hình dáng và cấu tạo đặc biệt, chơi đàn đòi hỏi kỹ năng điều luyện mà các loại nhạc cụ bằng tre mà ở Việt Nam chưa có như sáo trúc rung môi, sáo keo rung giọng, sáo hát, ống nửa, sáo màng; 3. Các loại nhạc cụ bằng tre của các dân tộc thiểu số phía Nam Trung Quốc đa dạng về chủng loại và số lượng, có khoảng 144 loại, hiện Việt Nam sưu tầm hơn 70 loại, tuy số lượng ít hơn các vùng dân tộc thiểu số phía Nam Trung Quốc, nhưng xét về cùng một nguyên tắc phát âm thì chủng loại nhạc cụ bằng tre của các dân tộc Việt Nam phong phú hơn các loại nhạc cụ bằng tre của các dân tộc thiểu số phía Nam Trung Quốc. Trong số nhạc cụ loại cọ xát dây thuộc nhạc cụ dây, Trung Quốc có 16 loại, Việt nam có 8 loại, có vẻ như chủng loại của Việt Nam ít, nhưng thực tế không phải vậy, mặc dù nhạc cụ tre loại cọ xát

dây của các dân tộc thiểu số phía Nam Trung Quốc có 16 loại nhưng chúng chỉ có một hình dạng và cấu trúc duy nhất. Nó được cấu tạo từ trúc đàn, ống đàn, chốt, dây đàn, giắc, bãi đàn, cung đàn nhưng số lượng chốt và quy cách cụ thể khác nhau. Còn nhạc cụ tre loại cọ xát dây của dân tộc Việt nam mặc dù về số lượng không nhiều như ở Trung Quốc, nhưng kết cấu hình dạng phong phú, công cụ sử dụng khi diễn tấu có hai loại dây cung và lông cung. Hình dạng và cấu trúc của khoang cộng hưởng bao gồm ba loại: "hình trụ", "tròn" và "ống". Đặc biệt, đàn Chơ rỏ dạng ống của người Thái và đàn A Beel của người Cơ Du Việt nam thân ống tre không chỉ dùng làm trúc đàn mà còn làm khoang cộng hưởng làm cho nhạc cụ phát ra tiếng, hình dạng cấu tạo phong phú và độc đáo.

## 2. So sánh đặc điểm âm nhạc

Chủ yếu phân tích các nội dung về chuỗi âm cơ bản, đặc trưng âm thanh và chức năng sử dụng.

### 2.1. Âm sắc

Âm sắc cơ bản của nhạc cụ tre nứa do các dân tộc thiểu số ở miền Nam Trung Quốc và nhạc cụ tre của các dân tộc ở Việt Nam thuộc hệ thống ngũ cung. Trình tự âm cơ bản bao gồm "chuỗi ba âm", "chuỗi bốn âm", "chuỗi ngũ cung" và "Năm tông", "Sáu tông", "Năm tông sáu tông", "Năm tông bảy", v.v. Những âm sắc cơ bản của nhạc cụ tre hai nơi thuộc hệ thống ngũ cung. Trong số bảy chế độ âm sắc, ngoại trừ chuỗi ba âm, chuỗi ngũ cung và chuỗi sáu âm, không có cùng một chuỗi âm, việc sử dụng các chuỗi âm khác được trộn lẫn. Trong số đó, chuỗi âm giống nhau là: một nhóm bốn âm, là "6 1 2 3"; ba nhóm năm âm, là "5 6 1 2 3", "6 1 2 3 5" và "3 5 6 1 2". Chế độ năm âm sáu (giai điệu bên phải + chuyển cung) hai nhóm, cụ thể là "5 6 7 1 2 3" và "3 5 6 7 1 (·) 2 (·)". Có ba nhóm của chế độ bảy âm ngũ cung (thang âm Xia Zheng), đó là "5 6 7 1 2 3 4", "6 7 1 2 3 4 5" và "1 2 3 4 5 6 7". Hơn nữa, âm vực cơ bản giống nhau vừa nói trên trong quá trình sử dụng nhạc cụ ở hai nơi nhiều loại giống nhau. Ví dụ điệu đầu tiên trong danh sách âm vực sáo nhỏ của vùng Văn Sơn Vân Nam, Trung Quốc là la, do, re, mi, sol, la; các loại sáo quy cách khác đều là: sol, la, do, re, mi, sol. Điệu đầu tiên trong danh sách của âm vực sáo của vùng Sapa, Lào Cai Việt Nam giống với âm vực của sáo bé, sáo trung và sáo lớn của vùng Văn Sơn, Vân Nam, Trung Quốc, âm vực của các loại sáo này gần với sáo trung của vùng Văn Sơn Vân Nam.

Âm sắc cơ bản của nhạc cụ bằng tre ở hai nơi kể trên đều có nhiều đặc trưng tương đối giống nhau, nhưng do sự khác biệt trong cách sử dụng chuỗi âm cũng như kỹ thuật diễn tấu của nghệ nhân bản địa, cùng với sự khác biệt về văn hóa ở hai nước mà màu sắc của chế độ chuỗi âm sắc cũng vì thế mà khác nhau khá nhiều. Ví dụ, chuỗi âm từ nhạc cụ tre trúc có sử dụng

hệ ngũ cung của các dân tộc thiểu số ở miền Nam Trung Quốc sử dụng một phân âm "b7"<sup>1</sup>, trong khi Việt Nam sử dụng một phân âm "# 2" và "# 4". Sự khác nhau nữa là, trong khi sử dụng một phân âm "# 4", "# 6", "b7", Việt Nam chỉ sử dụng "# 4". Mặc dù nhạc cụ tre ở hai quốc gia sử dụng các cao độ khác nhau trong chuỗi âm cơ bản, nhưng ở âm năm và âm sáu, cả hai đều sử dụng thói quen "hơi lên" (dấu "↑") hoặc hơi xuống (dấu "↓"). Trong số đó, "↑ 4, ↓ 6, ↓ 7" chỉ có trong danh mục âm thanh của nhạc cụ tre của các dân tộc thiểu số ở miền Nam Trung Quốc, và "↑ 2, ↑ 5, ↑ 6, ↑ 7" là danh mục âm thanh cơ bản chỉ có ở nhạc cụ tre của các dân tộc ở Việt Nam. Một số nhạc cụ tre nứa của hai quốc gia cũng có nét tương đồng trong việc dùng âm bảy ngũ cung (thang âm thường), nhưng thang âm giống nhau, âm tiết khác nhau. Ngoài ra, còn có các hình thức khác trong chuỗi âm điệu của nhạc cụ tre ở cả hai quốc gia. Chúng không thuộc hệ thống ngũ cung.

### 2.2. Đặc điểm âm thanh

Dựa theo nguyên lý phát ra âm thanh khác nhau giữa nhạc cụ bộ tre nứa của các dân tộc Việt Nam và nhạc cụ bộ tre nứa của các tộc người thiểu số phía Nam Trung Quốc, có thể phân chia thành ba loại: "nhạc cụ hơi, nhạc cụ tự thân vang và nhạc cụ dây. Mỗi loại nhạc cụ thuộc bộ tre nứa do có nguyên lý phát ra âm thanh tự nhiên giống nhau, cấu tạo hình dạng gần giống nhau mà một số đặc trưng âm hưởng (thuộc về nguyên lý tự nhiên) cũng có những điểm tương đồng hoặc gần giống nhau. Ví dụ, khèn của tộc người Miêu vùng Văn Sơn, Vân Nam Trung Quốc và khèn của vùng Sapa, Lào Cai Việt Nam do có nguyên lý phát âm giống nhau, hình dạng cấu tạo gần giống nhau, cả đặc trưng âm hưởng của khèn nhỏ và khèn nhỏ ở vùng Văn Sơn, Vân Nam Trung Quốc và khèn ở vùng Sapa, Lào Cai Việt Nam gần như giống nhau. Ở trong các ống tre của khèn vùng Sapa, Lào Cai, phần to nhất, ngắn nhất, âm cao nhất khảm 3 miếng lưỡi gà bằng đồng, hơn nữa bản thân ống sáo to thô hơn loại ống sáo của vùng Văn Sơn, Vân Nam Trung Quốc, thổi âm cao rõ nét hơn loại sáo của vùng Văn Sơn, nhưng nhận xét về tổng thể thì đặc trưng âm hưởng của Sáo của tộc người Miêu ở hai nơi đều là loại có âm cao rõ nét, âm thấp đầy.



Hình 1: Khèn của người Miêu Trung Quốc



Hình 2: Khèn/Kèn Người H'Mông Việt Nam

Ngoài ra, nhạc cụ bộ tre nửa của dân tộc thiểu số phía Nam Trung Quốc còn có thể phân thành 1 loại, chính là "nhạc cụ màng rung". Đặc trưng âm thanh màng rung của loại nhạc cụ này tương đối đặc biệt, rất khác so với âm thanh của các nhạc cụ rung, tự thân vang và nhạc cụ dây. Do đó, bài viết so sánh đặc điểm âm thanh của các loại nhạc cụ bộ tre của hai nơi chỉ tập trung so sánh nhạc cụ hơi, nhạc cụ tự thân vang và nhạc cụ dây, trọng tâm so sánh điểm khác nhau về mặt đặc trưng âm thanh của nhạc cụ bộ tre hai nước cùng có và đặc trưng âm thanh của nhạc cụ vốn có ở một nước, cũng như là một số nhạc cụ bộ tre nửa có kết cấu đặc biệt và những điểm khác biệt về đặc trưng âm thanh của nhạc cụ bộ tre nửa có cùng nguyên lý phát âm.

### 2.2.1. Nhạc cụ hơi

Có bốn loại phương pháp nạp khí cho các nhạc cụ hơi không khí cạnh của nhạc cụ họ hơi, đó là "ống dẫn khí vào, lỗ khoét dẫn khí, huyết sáo dẫn khí và thổi lỗ nạp khí", mỗi loại có đặc điểm riêng. Các nhạc cụ bằng tre với phương thức "ống dẫn khí vào" là đặc trưng của Việt Nam, như nhạc cụ ĐÌNH JONG, KLONG PÚT, ĐÌNH TÚT và So với đàn BĂNG BU), âm thanh các loại đàn trên thanh thoát, trong trẻo, giàu sức truyền cảm, so với các loại đàn bằng tre theo phương pháp "nạp khí qua lỗ khoét" và "lỗ thổi nạp khí" thì âm lượng yếu hơn một chút và đơn giản, mà không cần sửa đổi. Trong số các loại nhạc cụ bằng tre với phương pháp "huyết sáo nạp khí", có hai hình dạng và cấu trúc độc đáo ở Trung Quốc, đó là "loại có rãnh bên trong bằng sáp ong" và "loại có rãnh bên ngoài có nắp tre và vách tre bị gãy". Tuy là có rãnh bên trong bằng sáp ong nhưng chức năng và đặc điểm âm thanh của nó cũng giống như loại có rãnh tre, âm lượng vừa phải, âm cao rõ ràng và sắc nét, âm trầm nhẹ nhàng, trừu tượng. Loại "Nón tre ngoài, vách tre bề ngoài" kiểu rãnh ngoài có chức năng như "tre phủ ngoài", có âm thanh mềm mại, vang xa, và rõ nét. Hầu hết các loại nhạc cụ bằng tre theo phương pháp "lỗ thổi khí" đều không có lỗ thoát khí và không có lỗ màng, chỉ ở miền Nam Trung Quốc mới có loại đây ống có lỗ ở giữa nút và một loại khác có hình dạng và cấu tạo đặc biệt có lỗ màng. Các loại nhạc cụ, trong đó đoạn dưới còn lại, đoạn có lỗ ở đoạn có âm sắc tương tự, nhưng âm vực thấp hơn đoạn không ở hai chỗ, loại có lỗ màng cũng giống như các loại nhạc cụ tre, có lỗ thổi. So sánh về âm thanh thì âm thanh trong và to hơn loại không có màng.

Đối với nhạc cụ họ hơi, miếng lưỡi gà gây rung động không khí tạo âm thanh của nhạc cụ gồm hai loại: "bật lưỡi gà" và "lưỡi gà rung tự do". Nhạc cụ họ tre loại bật lưỡi gà, dựa vào khi lò xo rung động, chịu lực tác động khác nhau, có thể chia thành "lưỡi gà đơn" và "lưỡi gà kép". Âm thanh của loại "lưỡi gà đơn" dày và đầy đặn, với âm bổng rõ ràng và âm trầm mềm mại,

còn âm thanh của loại "lưỡi kép" âm sắc to và sáng. Hơn nữa, có rất nhiều loại nhạc cụ "bật lưỡi gà", bao gồm "một lưỡi gà một ống tre", "hai lưỡi gà một ống tre", và "hai lưỡi gà hai ống tre". Pí Lao Luồng của Việt Nam là một loại nhạc cụ tre đặc biệt thuộc dòng "một lưỡi gà một ống tre", đặc điểm lớn nhất là ống có lỗ màng, âm thanh sáng và hay hơn. Ở Trung Quốc, loại đàn bầu độc đáo "một lưỡi gà nhiều ống tre" (葫芦丝) được cấu tạo từ nhiều ống, trong ống có gắn lưỡi gà bằng đồng. So với nhạc cụ tre "một lưỡi gà một ống tre", có thể diễn tấu hòa âm và âm sắc êm dịu, tinh tế, đầy đặn, âm lượng tương đối lớn. Chất liệu miếng lưỡi gà của nhạc cụ tre loại "lưỡi gà kép" của Trung Quốc và Việt Nam không giống nhau.



Hình 3: Bí Thêu của người Thái Việt Nam



Hình 4: Dulu của người Thái Trung Quốc

Chất liệu lưỡi gà của nhạc cụ tre của dân tộc thiểu số phía Nam Trung Quốc phong phú hơn ở Việt Nam, có thể sử dụng chất liệu kén hoặc sậy. Tuy nhiên, nhạc cụ tre của các dân tộc Việt Nam sử dụng lưỡi gà làm từ chất liệu kén. Âm sắc của loại lưỡi gà làm từ kén mềm mại hơn loại làm từ sậy, âm thanh không lớn. Nhạc cụ tre loại lưỡi gà kép, sau khi số lượng ống tre tăng lên thành hai ống, so sánh với loại một lưỡi gà, thì kỹ thuật diễn tấu phong phú hơn, âm sắc cao sắc rõ nét, và giàu biểu cảm hơn. Nhạc cụ tre "lưỡi gà rung tự do" dù ở quốc gia nào thì đặc điểm âm thanh chung đều là âm mạnh và đầy, khi chơi nhẹ thì âm thanh mềm mại.

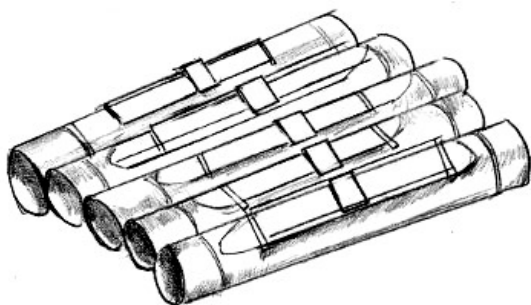
Nhạc cụ rung môi và rung giọng bằng tre chỉ phân bố ở các dân tộc thiểu số ở miền nam Trung Quốc, loại nhạc cụ này có âm thanh độc đáo. So với loại rung môi và loại rung giọng, âm thanh của nhạc cụ rung môi bằng tre to và vang xa hơn.

Trong thể loại rung giọng, rung màng ngăn và âm thanh hỗn hợp, âm sắc được trộn lẫn.

### 2.2.2. Nhạc cụ tự thân vang

Nhạc cụ họ tự thân vang bộ tre ở hai nơi, dựa theo cách thức biểu diễn có thể chia thành "gõ", "vỗ", "đập", "kết hợp diễn tấu gõ vỗ đập". Trong bốn

cách thức chơi đàn, về cấu tạo hình dáng của nhạc cụ tự thân vang bằng tre nửa ở hai nơi có một số điểm khác nhau, đặc trưng âm hưởng của mỗi nơi khác nhau. Ví dụ, nhạc cụ tự thân vang bằng tre nửa ở Việt nam chủ yếu kết cấu bằng trúc phiến, âm thanh rõ và sắc nét. Nhạc cụ tự thân vang bằng tre nửa của Trung Quốc chủ yếu cấu tạo kiểu ống tre, âm thanh tương đối nhỏ. Đàn KLE KLA của Việt Nam thuộc loại nhạc cụ tự thân vang biểu diễn kiểu rung lắc có kết cấu hình thể dạng ống. So sánh với nhạc cụ tự thân vang biểu diễn kiểu rung lắc có kết cấu kiểu rãnh, âm sắc sắc nét và ngọt ngào hơn. Còn đối với loại nhạc cụ kết cấu hình dáng thuộc loại hộp xướng, thì nhạc cụ tre nửa ở hai nơi chỉ có dạng kiểu rãnh. Đặc điểm của loại nhạc cụ này đều điều chỉnh thay đổi âm lượng và âm sắc bằng cách đóng mở khẩu hình và điều tiết hơi, âm sắc mạnh và hơi nhỏ.



Hình 5: Tinh Tang của người Mường Việt Nam



Hình 6: Dingmaibo của người Thái, người Va Trung Quốc



Hình 7: Đàn ống tre của người Dao Trung Quốc

### 2.2.3. Nhạc cụ dây

Dựa theo phương thức khác nhau làm dây đàn rung, nhạc cụ bằng tre, nửa họ dây của Việt nam gồm 3 loại: "gảy" (sử dụng móng tay hoặc móng bằng vật liệu khác để gảy), "cọ xát" (sử dụng cung kéo để cọ vào dây, tạo âm thanh), "đánh" (sử dụng "búa"- một loại thanh que bằng tre cấu tạo phần đầu tròn như dạng búa, tương tự như búa trong đàn Tam thập lục của Việt Nam). Ba loại nhạc cụ dây rung này do có nguyên lý phát ra âm thanh và cấu tạo hình dạng không giống nhau, mà đặc trưng âm thanh phát ra cũng khác nhau. Trong số các loại nhạc cụ bằng tre

loại nhạc cụ dây ở hai nơi đều bao gồm hai phương thức là sử dụng công cụ gảy đàn và dùng ngón tay gảy đàn. Khi dây đàn bằng chất liệu kim loại thì âm thanh lúc gảy nghe réo rắt, đanh thép; còn khi dây đàn làm từ sợi vô trúc thì tiếng đàn giàu sức quyến rũ, sắc nét và ngọt ngào. So sánh với nhạc cụ bộ tre dây đàn làm bằng sợi thép thì nhạc cụ có dây đàn làm từ sợi vô trúc có đặc điểm lớn nhất chính là độ sắc nét của âm sắc và âm lượng của nhạc cụ đều giảm xuống. Đặc trưng âm hưởng của nhạc cụ dây rung loại "cọ xát" là chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như kết cấu hình dáng của bầu đàn, công cụ chà dây và số lượng dây, hiệu quả âm hưởng khi biểu diễn đều không giống nhau. Trong đó khoảng cộng hưởng là hình trụ, dây của các nhạc cụ tre dùng lông cung để vuốt dây đàn rất đa dạng gồm có "nhất huyền, nhị huyền, tam huyền, tứ huyền"...Loại nhất huyền phân bố chủ yếu ở phía Nam Trung Quốc, loại này có âm sắc thuần khiết. Phía Nam Trung Quốc và ở Việt nam đều có loại nhị huyền, loại Nhị huyền âm sắc đẹp và mềm mại, âm lượng vừa đủ. Khi bầu đàn của nó tương đối lớn, thì âm sắc lại thô và mạnh. Ngoài loại nhất huyền và nhị huyền, phía Nam Trung Quốc còn có nhạc cụ bộ tre vuốt dây loại tam huyền và tứ huyền, do trục dây và số lượng dây tăng lên, âm sắc của loại nhạc cụ này sắc nét và càng rõ ràng. Nhạc cụ bộ tre có khoang cộng hưởng thân tròn, dạng ống chủ yếu phân bố ở Việt nam, do khoang cộng hưởng bọc bằng da tre, không có cửa sổ âm thanh, âm sắc bị rè, không rõ nét. Khi dùng lông cung vuốt dây đàn, nhạc cụ bộ tre có khoang cộng hưởng hình ống sẽ có âm thanh trong trẻo hơn nhạc cụ bộ tre có khoang cộng hưởng hình tròn, hơi yếu hơn với loại có khoang cộng hưởng hình trụ. So với các nhạc cụ dây tre có sợi lau dây thì âm thanh của cung lau (tức sợi tre) mềm mại và thanh mảnh hơn. Trong đó đàn A Beel VÀ K'ni (cũng có thể phát âm là A bel và Cơ ni) của người Việt Nam do người biểu diễn ngậm trong miệng những lát mỏng, được buộc bằng sợi tơ và nối với dây đàn, hình miệng lúc mở lúc khép có thể tăng âm lượng và thay đổi âm sắc, Âm thanh thường kèm theo tiếng "wow", âm lượng nhỏ và buồn tẻ. Nhạc cụ họ dây bằng tre, nửa chỉ gảy ở cả hai quốc gia đều lấy vỏ tre tước ra từ thân đàn làm dây đàn, và khoang cộng hưởng đều có hình ống. Do đó, âm thanh của loại nhạc cụ này rất đơn giản, tự nhiên và âm lượng phụ thuộc vào độ to nhỏ của khoang cộng hưởng và lực gảy dây đàn của người biểu diễn.

### 2.3. Chức năng sử dụng

Trong số các dân tộc thiểu số phía Nam Trung Quốc và đại gia đình các dân tộc ở Việt Nam, nhạc cụ tre nửa có những yêu cầu nhất định về giới tính của người sử dụng, một số nhạc cụ chỉ giới hạn cho nam hoặc nữ, , một số nhạc cụ nam và nữ đều có thể sử dụng. Tục có nhiều loại, dù nhạc cụ tre nửa có nguyên lý phát âm thanh hay cách sử dụng thực tế có sự khác

nhau nhất định, nhưng điểm chung là thường được dùng để nói chuyện giao duyên hoặc đề biểu diễn, giải trí trong các lễ hội hay dịp đặc biệt. Ví dụ, người Miêu ở Văn Sơn, Vân Nam, Trung Quốc và người H'Mông ở Sapa, Lào Cai, Việt Nam đều biểu diễn khèn trong những dịp lễ Tết. Điều khác biệt là thanh niên người Miêu ở Văn Sơn trước đây đã chơi khèn tại lễ hội để tìm ý trung nhân. Giờ đây nó đã phát triển thành một hình thức giải trí thuần túy. Tuy nhiên, người H'Mông ở Sapa vẫn chơi khèn của họ trong các lễ hội hoặc dùng tiếng khèn để theo đuổi các cô gái trong cuộc sống hàng ngày. Thêm nữa, khèn là một nhạc cụ bắt buộc chơi trong tang lễ của người Miêu Văn Sơn, nhưng phong tục này ở Việt Nam không tồn tại. Vì vậy, nghiên cứu này thông qua phương pháp tổng hợp và quy nạp để tìm hiểu, đối chiếu, và làm nổi bật những nét văn hóa tương đồng và dị biệt trong phong tục sử dụng nhạc cụ tre ở miền Nam Trung Quốc và Việt Nam.

### 3. Kết luận

Trong thời đại kinh tế phát triển nhanh chóng như hiện nay, sự phát triển và tồn tại của nhạc cụ bằng tre chắc chắn sẽ bị tác động và ảnh hưởng, phát triển mạnh trong đời sống văn hóa đương đại. Với phong trào “Nghiên cứu so sánh văn hóa âm nhạc xuyên biên giới của Trung Quốc và các nước lân cận” do giới học thuật Trung Quốc khởi xướng, các nghiên cứu liên quan đến người Miêu (H'Mông) ở Trung Quốc và Việt Nam hoặc ở các quốc gia khác trong tương lai sẽ nhận được sự quan tâm rất lớn từ các học giả. Nghiên cứu này thiết lập mối quan hệ giữa nhạc cụ tre, nứa ở Trung Quốc và Việt Nam từ góc độ vĩ mô. Các nhạc cụ được sưu tầm (chủ yếu là nhạc cụ tre, nứa dân tộc thiểu số), phân loại cụ thể, đồng thời sử dụng các phương pháp quy nạp, tóm tắt, liệt kê để phân loại thông kê, so sánh chi tiết từ hình thức cấu tạo cho đến các đặc điểm về âm nhạc và hình thức sử dụng. Qua đó, khám phá, tổng hợp và cung cấp dữ liệu tham khảo về những tương đồng khác biệt giữa văn hóa nhạc cụ tre, nứa của hai quốc gia.

## CHÚ THÍCH

<sup>1</sup> Các thuật ngữ, kỹ thuật diễn tấu nhạc cụ cổ truyền dân tộc thuộc chuyên ngành sâu âm nhạc học

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Hữu Sơn (1996)**, *Văn hóa Người Mông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
2. **Lê Huy, Huy Trân (1984)**, *Nhạc khí dân tộc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
3. *Tư liệu nghiên cứu điền dã trực tiếp tại một số địa phương của Trung Quốc và Việt Nam*